

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST  
Ngày 22-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Trung.

Ông Nguyễn Thanh Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Bảo S, sinh ngày 24/3/2003; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Vĩnh Tiến, CD, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Quý, sinh năm 1964 và bà Trần Mỹ Linh, sinh năm 1966; bị cáo là con thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Trần Mỹ Linh, sinh năm 1966, là mẹ ruột của bị cáo (có mặt).

2. Nguyễn Văn M (TR), sinh ngày 09/9/2004; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Vĩnh Tiến, CD, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Hiền, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Thấn, sinh năm 1974; bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn M là Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp Vĩnh Tiến, CD, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Văn H (Dữ), sinh năm 1994, nơi cư trú: ấp Vĩnh Thuận, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người bào chữa: Ông Phan Văn Hùng là Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh An Giang, bào chữa cho bị cáo Trần Bảo S và Nguyễn Văn M (có mặt).

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Mỹ Linh, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: ấp Vĩnh Tiến, CD, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của Đ là Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1957, là ông ngoại (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của Đ là Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Huỳnh Văn U, sinh năm 1992 (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1960 (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn P, sinh năm 1994 (vắng mặt).

+ Huỳnh Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

+ Nguyễn Văn L (Heo), sinh năm 1996 (vắng mặt).

+ Nguyễn Long H (Tùng), sinh năm 1988 (vắng mặt).

+ Huỳnh Minh TR, sinh ngày 26/5/2001 (vắng mặt).

+ Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/12/2019, Nguyễn Văn H (Dữ), sinh năm 1994 và Nguyễn Văn L (Heo), sinh năm 1996, cùng cư ngụ ấp Vĩnh Thuận, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang để uống rượu tại quán vỉa hè chợ Vĩnh Tre. Tại đây H và L xảy ra mâu thuẫn với bàn kế bên gồm: Nguyễn Long Hồ (Tùng), sinh năm 1998, Nguyễn Quốc Đ (Rô), sinh năm 2006 và Huỳnh Minh TR, sinh ngày 26/5/2001, cư ngụ ấp Vĩnh Thuận, xã VTT, huyện C, tỉnh An Giang. Sau đó, H và L nghỉ uống rượu đi về nhà. Khoảng 20 phút sau H và L mỗi người

cầm 01 con dao tự chế trở lại quán tìm Hồ, Đ và TR để đánh. H rượt đánh Hồ, còn L cầm dao kề vào cổ TR nhưng được mọi người can ngăn, rồi H và L bỏ đi. Đ ghi âm 02 đoạn thoại gửi qua mạng xã hội messenger cho Trần Bảo S, sinh ngày 24/3/2003 ngụ ấp Vĩnh Tiến, CD, huyện C với nội dung “anh S ơi lên tiếp em, em và cậu em bị rượt chém trên chợ Vĩnh Tre”; S nhắn tin hỏi Đ “ở đâu” nhưng Đ không trả lời.

S điều khiển xe mô tô biển số 67D1 – 753.52 (loại Vision màu đỏ) đến nhà Nguyễn Văn M (TR), sinh ngày 09/9/2004, S nói: “Mày đi công chuyện với tao”, M hỏi: “Đi đâu?”, S nói: “Thằng Đ bị người ta chém ở chợ Vĩnh Tre”, M đồng ý rồi vào nhà lấy dao Thái Lan dài khoảng 25cm, cán bằng nhựa màu vàng giấu vào ống quần sọt, S chở M đến chợ Vĩnh Tre gặp Đ, Hồ và TR. S hỏi về người chém Đ ở đâu, Đ cho biết H và L ở xóm chài, tướng ốm, trên tay mỗi người có cầm dao tự chế và trong hai người có một người đội nón kết. S kêu Đ về nhà ngủ.

M điều khiển xe mô tô biển số 67D1 – 753.52 chở S về hướng Long Xuyên, khi chạy được khoảng 400m thì S phát hiện có hai thanh niên đi bộ theo hướng Long Xuyên – Châu Đốc, mỗi người có cầm một cây dao tự chế giống như Đ mô tả. S nói với M: “Nó kia”, M kêu: “Đẩy nó”. M lấy cây dao Thái Lan đưa cho S cầm bên tay phải. M điều khiển xe chạy qua khỏi H và L khoảng 50m rồi quay đầu xe lại theo hướng Long Xuyên – Châu Đốc (cùng chiều với H và L). Lúc này H đi phía ngoài gần tim đường, còn L đi phía trong lề đường, S kêu M chạy tốc độ cao áp sát H và L (khoảng 60km/h). Khi khoảng cách gần 02 đôi tượng thì S cầm cây dao bên tay phải chém từ phải sang trái, dự định là chém vào vùng vai nhưng kết quả trúng vào vùng cổ của H làm H té xuống đường. Lúc này xe mô tô của M điều khiển bị chao đảo nhưng không ngã xuống đường, M có nhìn lại phía sau thì thấy H nằm xuống mặt đường. Chém xong M và S chạy xe lên cầu Vĩnh Tre ném bỏ cây dao xuống sông rồi chở về nhà.

H được đưa đến bệnh viện C, sau đó được chuyển đến Bệnh viện Đa Khoa khu vực tỉnh An Giang điều trị, đến ngày 03/01/2020 H xuất viện.

Lời khai của bị cáo Trần Bảo S: phù hợp với nội dung vụ án. Hiện tại gia đình S đã bồi thường cho Nguyễn Văn H (Dữ) số tiền 12.000.000 đồng – tiền điều trị bệnh lúc nằm viện.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn M: phù hợp với nội dung vụ án.

Lời khai của bị hại Nguyễn Văn H: phù hợp với nội dung vụ án. H trình bày đã nhận đủ tiền bồi thường điều trị bệnh là 12.000.000 đồng. Yêu cầu bị cáo S và M mỗi người bồi thường thêm cho bị hại 5.000.000 đồng. H đã làm đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với S và M.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn L (Heo), Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Long Hồ (Tùng), Huỳnh Minh TR: phù hợp với nội dung vụ án.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 35/20/TgT ngày 06/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang kết luận thương tích đối với Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, cư trú: ấp Vĩnh Thuận, xã VTT, huyện C, tỉnh

An Giang. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo từ cổ phải bờ trong cơ ức đòn chũm vòng ngang cổ sau, ngang qua giữa cổ trái, kích thước 14 x 0.7cm, sẹo thẳng, sắc gọn. Góc bên phải của sẹo tù, góc bên trái của sẹo nhọn. Sẹo màu hồng, hơi lõm. Đầu sẹo bên cổ phải rộng 0.7cm, cách dưới sau da tai phải 08cm, giữa sẹo rộng 0,4cm, đuôi sẹo bên cổ trái rộng 0.2cm, cách dưới sau da tai trái 06cm. Hạn chế các động tác cổ đầu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%. Thương tích do vật sắc tác động gây nên, vị TR bắt đầu bên cổ phải, kết thúc bên cổ trái, thương tích gây có tật nhẹ, không ảnh hưởng thẩm mỹ.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1610/C09B, ngày 24/3/2019 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Trần Bảo S có độ tuổi từ 16 năm 06 tháng đến 17 tuổi.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 1849/C09B, ngày 24/3/2019 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nguyễn Văn M có độ tuổi từ 16 năm 06 tháng đến 17 tuổi.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 16cm, lưỡi dao dài 45cm, rộng 5cm; 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 15cm, lưỡi dao dài 35cm, rộng 3,5cm (biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2020).

- 01 chiếc xe biển số 67D1- 753.52 của bà Trần Mỹ Linh, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã trả cho bà Trần Mỹ Linh người quản lý hợp pháp.

Tại Bản Cáo trạng số: 26/CT-VKS.CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố Trần Bảo S và Nguyễn Văn M ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

\* Đối với bị cáo Trần Bảo S: Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 1 năm 06 tháng đến 02 năm.

\* Đối với bị cáo Nguyễn Văn M: Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 1 năm 06 tháng đến 02 năm.

\* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay

cầm quần bằng màu đỏ dài 16cm, lưỡi dao dài 45cm, rộng 5cm; 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quần bằng màu đỏ dài 15cm, lưỡi dao dài 35cm, rộng 3,5cm.

- 01 chiếc xe biển số 67D1- 753.52 của bà Trần Mỹ Linh, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C đã trả cho bà Trần Mỹ Linh người quản lý hợp pháp là phù hợp quy định.

\* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận thỏa thuận giữa bị hại Nguyễn Văn H với các bị cáo S và M: bị cáo S và M mỗi người bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Bảo S và Nguyễn Văn M phát biểu ý kiến bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận với Viện kiểm sát về tội danh của các bị cáo, thống nhất bị cáo S, M có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa thành niên, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, chấp hành tốt sự quản lý của địa phương nơi cư trú trong khi bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, nên đề nghị cho các bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, xin bị hại tha thứ lỗi lầm, xin giảm nhẹ hình để sớm về với gia đình hòa nhập cộng đồng làm lại người tốt.

Bị hại không tranh luận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng Đ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo đúng quy định. Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và lời khai này phù hợp với lời khai nhận của bị cáo, bị hại trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về xác định tư cách của người tham gia tố tụng:

- Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn M từ nhỏ sống chung với ngoại bà Nguyễn Thị Liên do cha mẹ của bị cáo đã ly hôn, không xác định được địa chỉ cư trú của cha mẹ bị cáo M nên Hội đồng xét xử xác định bà Liên là đại diện hợp pháp của bị cáo M là phù hợp quy định pháp luật tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 và Điều 136 Bộ luật Dân sự.

- Xét thấy ông Nguyễn Quốc Cường, Nguyễn Thị Bích Đào là cha mẹ, ông bà của những người làm chứng chưa thành niên nhưng bản cáo trạng xác định họ là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không phù hợp, cần xác định họ là đại diện hợp pháp của những người làm chứng chưa thành niên là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 136 Bộ luật Dân sự.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên toàn bị cáo Trần Bảo S và bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận: vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26/12/2019 nhận được tin nhắn kêu cứu của Đ bị cáo S rủ bị cáo M đi trợ giúp Đ, bị cáo M đồng ý và mang theo dao Thái Lan. Khi gặp Đ bị cáo S, bị cáo M tra hỏi thông tin về đối tượng, rồi bị cáo S kêu Đ về nghỉ để bị cáo xử lý. Bị cáo M chờ bị cáo S đi tìm đối tượng trên đoạn đường từ cầu Vĩnh Tre xuống bệnh viện C do các bị cáo bên vực bạn bè, nên các bị cáo đã gây thương tích cho bị hại Nguyễn Văn H mặc dù các bị cáo và H không quen biết và cũng không có mâu thuẫn.

Các bị cáo thừa nhận nội dung bản cáo trạng quy kết là đúng, các bị cáo nhận tội, không tranh luận đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, không tranh luận về khung hình phạt, về xử lý vật chứng.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 35/20/TgT ngày 06/02/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang kết luận thương tích đối với Nguyễn Văn H, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 17%.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị cáo, của bị hại và những người làm chứng tại Cơ quan Điều tra; Biên bản khám nghiệm hiện trường và các tang vật chứng thu thập được tại hiện trường.

Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo S và M có hành vi dùng dao Thái Lan gây thương tích cho Nguyễn Văn H với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 17%. Trong khi bị hại Nguyễn Văn H không có mâu thuẫn, hiềm khích gì với các bị cáo. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” với 02 tình tiết định khung tăng nặng là dùng hung khí nguy hiểm và còn đồ theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo S và M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Về nhân thân, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về nhân thân:

Đối với bị cáo Trần Văn S là người chưa đủ 18 tuổi, từ nhỏ sống chung với cha mẹ, nghỉ học sớm nên có phần nào hạn chế trong việc nhận thức pháp luật.

Còn bị cáo Nguyễn Văn M là người chưa đủ 18 tuổi, từ nhỏ cha mẹ đã ly hôn bị cáo do bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng, do điều kiện kinh tế khó khăn bị cáo cũng nghỉ học sớm nên nhận thức pháp luật còn hạn chế.

[3.2] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo:

Tính mạng, sức khỏe con người là vốn quý giá của xã hội, là một trong những đối tượng được pháp luật bảo vệ. Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.

Xét bị cáo Trần Bảo S và bị cáo Nguyễn Văn M đến thời điểm gây án ở độ tuổi từ 16 năm 06 tháng tuổi đến 17 tuổi, tuổi này đã gần đủ để nhận thức được hành vi gây tổn hại đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội với mong muốn gây thương tích cho bị hại. Điều này cho thấy các bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Do đó, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo thành người tốt, để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3.3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[3.4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo là người dưới 18 tuổi, chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động nghèo; trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Đối với bị cáo M do cha mẹ ly hôn bị cáo phải sống với ông bà nên phần nào cũng ảnh hưởng đến tâm lý. Bị cáo S còn có thêm tình tiết giảm nhẹ là bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo S và M cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ phạm tội khác nhau nên cần phải phân hóa vai trò, mức độ phạm tội và kết hợp với nhân thân của các bị cáo để xử lý theo quy định.

Mặc dù, cùng nhau thực hiện hành vi nhưng bị cáo S là người có vai trò chính, bị cáo S là người đề xuất, rủ bị cáo M và là người trực tiếp thực hiện hành vi dùng dao Thái Lan gây thương tích cho bị hại H. Do đó, bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Bị cáo M là người bị bị cáo S rủ rê tham gia thực hiện hành vi, phạm tội với vai trò giúp sức là người điều khiển xe, chở bị cáo S để giúp bị cáo S thực hiện việc chém gây thương tích cho bị hại H. Do đó, bị cáo S phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật của mình.

Tuy bị cáo S là người có vai trò chính, nhưng bị cáo S có 03 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo M là người có vai trò giúp sức nhưng có 02 tình tiết giảm nhẹ nên khi lượng

hình cần xem xét mức độ hình phạt của 02 bị cáo bằng nhau là tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 101 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá  $\frac{3}{4}$  mức hình phạt mà điều luật quy định.

**[4] Về biện pháp tư pháp:**

Vật chứng là 01 chiếc xe biển số 67D1- 753.52 của bà Trần Mỹ Linh, do bị cáo S và M điều khiển là phương tiện phạm tội, nhưng các bị cáo dùng xe của bà Linh để phạm tội, bà Linh không biết việc này nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện C trả lại cho bà Linh là phù hợp quy định pháp luật.

Vật chứng là 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 16cm, lưỡi dao dài 45cm, rộng 5cm; 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 15cm, lưỡi dao dài 35cm, rộng 3,5cm là vật thuộc loại nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị cáo và bị hại thỏa thuận với nhau về mức bồi thường thiệt hại, bị cáo S, M mỗi người đồng ý bồi thường cho bị hại H 5.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Bảo S và Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với Nguyễn Quốc Đ có hành vi rủ rê, lôi kéo Trần Bảo S tham gia gây thương tích cho bị hại H, nhưng Đ chưa đủ tuổi chỉ cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan cảnh sát xác điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ là phù hợp quy định pháp luật.

Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt và điều khoản áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**\* Đối với bị cáo Trần Bảo S**

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 47, Điều 58, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Bảo S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Bảo S 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù (02 năm 4 tháng x  $\frac{3}{4}$ ). Thời gian chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày các bị cáo bị cơ quan thi hành án hình sự bắt chấp hành hình phạt.

**\* Đối với bị cáo Nguyễn Văn M**



Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 17, Điều 47, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù (02 năm 4 tháng x  $\frac{3}{4}$ ). Thời gian chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày các bị cáo bị cơ quan thi hành án hình sự bắt chấp hành hình phạt.

Đối với các nội dung khác:

Căn cứ Điều 98, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 155, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự;

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 16cm, lưỡi dao dài 45cm, rộng 5cm; 01 (một) cây dao tự chế, chất liệu bằng kim loại, tay cầm quấn băng màu đỏ dài 15cm, lưỡi dao dài 35cm, rộng 3,5cm

- Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần Bảo S, Nguyễn Văn M, mỗi người bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn H 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bị cáo Trần Bảo S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo (2);
- Dương sự (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện C (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh an Giang (1);
- Nhà tạm giữ, THAHS CA HCP (2);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- CCTHADS huyện C (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Sở Tư Pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**